TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ H** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HS-ST
Ngày: 16-12-2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quang Truyền;

2. Bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Lưu Sử Ngọc Quân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Quốc Sĩ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 91/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn N** (tên gọi khác không có) sinh năm 1990; tại T; nơi đăng ký nhân khẩu: Tổ 12, khu phố H, phường HN, thành phố T, tỉnh T; Nơi ở hiện nay: khu phố L, phường LT, thị xã H, tỉnh T; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công V và bà Lê Thị T; vợ, con không có.

Tiền sự: không có.

Tiền án: 01 tiền án.

Tại bản án số 54/2019/HSST ngày 04-9-2019, Toà án nhân dân huyện H (nay là thị xã H), tỉnh T đã áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (bản án này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm).

Bị cáo bị tạm giữ ngày 28-4-2022, tạm giam ngày 07-5-2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn Q** (tên gọi khác C) sinh năm 2000; tại T; nơi đăng ký nhân khẩu và nơi cư trú hiện nay: số nhà 06, hẻm 20 đường Phạm Văn

Đồng, khu phố 3, phường L, thị xã H, tỉnh T; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thuỳ D; vợ, con không có.

Tiền sự: không có.

Tiền án: 02 tiền án.

+ Tại Bản án số 57/2019/HSST ngày 16/9/2019, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T (nay là thị xã H), áp dụng khoản 1 Điều 330; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt 12 tháng tù về tội "Chống người thi hành công vụ".

+ Tại Bản án số 86/2020/HS-ST ngày 25/11/2020, Tòa án nhân dân thị xã H áp dụng các điểm a, c, i khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt 15 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" (bản án này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm).

Bị cáo bị tạm giam ngày 25-7-2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*

1. Anh Trần Võ Trường G, sinh năm 1984; địa chỉ: khu phố 1, phường L, thị xã H, tỉnh T (có mặt).

2. Ông Nguyễn Đồng H, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp T, xã TĐ, thị xã H, tỉnh T (có mặt).

3. Anh Huỳnh Thang T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp TC, xã TĐ, thị xã H, tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Anh Phan Ngọc K, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp T, xã TĐ, huyện T, tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Anh Trần Hồ C, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp N, xã B, huyện D, tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp K, xã C, huyện D, tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp N, xã B, huyện D, tỉnh T.

8. Anh Trần Phạm Anh V, sinh năm 2003; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

9. Anh Võ Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

10. Anh Tô Văn N, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, thành phố H (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

11. Anh Nguyễn Khánh L, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

12. Anh Mai Thanh L, sinh năm 2001; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh T (có mặt).

13. Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp C, xã C, huyện G, tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Q không có nghề nghiệp ổn định nên bàn bạc thống nhất cùng nhau chuẩn bị công cụ, phương tiện để trộm cắp tài sản của người dân trên địa bàn thị xã H, thành phố T, huyện D, tỉnh T bán lấy tiền tiêu xài. Từ ngày 06/01/2022 đến ngày 28/4/2022, N và Q đã thực hiện 14 vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

*** Trên địa bàn thị xã H:**

- ***Vụ thứ nhất:*** Khoảng 16 giờ ngày 13/02/2022, Q điều khiển xe môtô biển số 70F1-395.16, loại xe Wave Alpha, màu trắng *(xe của N là chủ sở hữu*) chở N đi trên các tuyến đường thuộc thị xã H tìm xe môtô để trộm, khi đến nhà của ông Trần Võ Trường G, sinh năm 1984, ngụ khu phố Long Trung, phường Long Thành Trung, thị xã H, tỉnh T thì thấy phía trước nhà dựng xe môtô biển số 70K1-624.37 trên xe có cắm sẵn chìa khóa, không có người trông coi nên Q dừng xe đứng bên ngoài cảnh giới cho N lén lút đi vào trong mở khóa, nổ máy điều khiển xe bỏ chạy. Sau đó, N đem xe môtô trộm được đến khu vực khu vực xã C, huyện D bán cho người đàn ông tên H (*không rõ nhân thân, địa chỉ*) với giá 10.000.000 đồng. N cùng Q chia nhau mỗi người 5.000.000 đồng tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 39, ngày 15/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã H, kết luận: 01 xe môtô biển số 70K1-624.37, nhãn hiệu HONDA, loại xe Vario, dung tích 124 cm^3, màu sơn đỏ đen, số khung 5114LK573693, số máy JM51E1573387, đã qua sử dụng, trị giá **45.000.000 đồng**.

- ***Vụ thứ hai:*** Khoảng 17 giờ ngày 23/02/2022, Q điều khiển xe môtô biển số 70F1-722.90, loại xe Sonic, màu đỏ-trắng-đen (*Q là chủ sở hữu*) chở N đi trên các tuyến đường. Khi đến hẻm số 47 đường Nguyễn Lương Bằng thuộc ấp T, xã TĐ, thị xã H thì thấy xe môtô biển số 70G1-725.76 của ông Nguyễn Đồng H, sinh năm 1961, ngụ ấp T, xã TĐ, thị xã H, tỉnh T đang dựng phía trước nhà, không có người trông coi, trên xe có cắm sẵn chìa khóa nên Q dừng xe đứng bên ngoài cảnh giới, N lén lút đi đến mở khóa, nổ máy điều khiển xe bỏ chạy. Sau đó, N đem bán xe trộm được cho một người không quen biết (*chưa rõ nhân thân, địa chỉ*) gần biên giới Campuchia được 6.000.000 đồng, N và Q chia nhau mỗi người 3.000.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 39, ngày 15/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã H, kết luận: 01 xe môtô biển số 70G1-725.76, nhãn hiệu HONDA, số loại Wave RSX, dung tích 109cm^3, màu sơn đen đỏ, số khung 3827KY029945, số máy JA38E0512164, đã qua sử dụng, trị giá **16.000.000 đồng**.

- ***Vụ thứ ba:*** Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 01/3/2022, Q điều khiển xe môtô biển số 70F1-722.90 chở N đi trên các tuyến đường, khi đến quán cà phê không có biển hiệu thuộc ấp TC, xã TH, thị xã H, tỉnh T thì thấy xe môtô biển số 70G1-068.49, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Jupiter, màu sơn vàng-đen của ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1987, ngụ ấp TC, xã TH, thị xã H, tỉnh T đang dựng bên trong quán trên xe có cắm sẵn chìa khóa, không có ai trông coi nên Q dừng xe đứng bên ngoài cảnh giới, N lén lút đi đến mở khóa, nổ máy điều khiển xe bỏ chạy. Sau đó, N đem xe trộm được bán cho một người không quen biết (*chưa rõ nhân thân, địa chỉ*) gần biên giới Campuchia giá 3.000.000 đồng, N và Q chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 39, ngày 15/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã H, kết luận: 01 xe môtô biển số 70G1- 068.49, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Jupiter, dung tích 110 cm^3, màu sơn vàng đen, số khung RLCJ5B950BY104055, số máy 5B95-103916, đã qua sử dụng, trị giá **10.000.000 đồng**.

- ***Vụ thứ tư:*** Khoảng 11 giờ ngày 08/3/2022, Q điều khiển xe môtô biển số 70F1-722.90 chở N đi trên đường T thuộc thị xã H, tỉnh T. Khi đi đến đoạn đường gần hẻm số 31, đường Tthuộc ấp Long Khương, xã Long Thành Nam, thị xã H thì nhìn thấy xe môtô biển số 70K1-216.13 của ông Phan Ngọc K, sinh năm 1987, ngụ ấp T, xã TĐ, huyện T, tỉnh T đang dựng trên lề đường, trên xe có cắm sẵn chìa khóa. N và Q lợi dụng lúc ông Kiệt đang làm công trình trên đường không để ý trông coi xe nên Q đứng cảnh giới, N lén lút đi đến mở khóa, nổ máy điều khiển xe của ông Kiệt bỏ chạy. Sau đó, N đem bán xe trộm được cho một người đàn ông không quen biết (*chưa rõ nhân thân, địa chỉ*) gần biên giới Campuchia giá 5.000.000 đồng, N và Q chia nhau mỗi người số tiền 2.500.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 39, ngày 15/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã H, kết luận: 01 xe môtô biển số 70K1-216.13, nhãn hiệu HONDA, số loại Wave Alpha, dung tích 97cm^3, màu sơn đỏ, số khung RLHHC1212DY-105703, số máy HC12E-5105726, đã qua sử dụng, trị giá **9.000.000 đồng**.

*** Trên địa bàn huyện D:**

- ***Vụ thứ nhất:*** Khoảng 13 giờ ngày 06/01/2022, Q điều khiển xe môtô biển số 70F 1-722.90 chở N đi tìm xe môtô để sơ hở lấy trộm. Khi đi đến khu vực ấp Ninh Hòa, xã B, huyện D, tỉnh T thì phát hiện xe môtô biển số 70E1-378.72 của ông Trần Hồ C, sinh năm 1981, ngụ ấp N, xã B, huyện D, tỉnh T đang dựng trước một chòi lá trên xe có cắm sẵn chìa khóa, không có người trông coi nên Q đứng bên ngoài cảnh giới cho N lén lút đi đến mở khóa, nổ máy điều khiển xe anh Công bỏ chạy. Sau đó, N điều khiển xe trộm được đến khu vực xã P, thị xã T, tỉnh T bán cho người đàn ông tên S (*chưa rõ nhân thân, địa chỉ*) được số tiền 4.200.000 đồng, N trả tiền thuê xe ôm hết 200.000 đồng còn lại 4.000.000 đồng, N và Q chia nhau mỗi người số tiền 2.000.000 đồng tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 09, ngày 15/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D, kết luận: 01 xe môtô biển số 70E1- 378.72, nhãn hiệu HONDA, số loại Wave, dung tích 109cm^3, màu sơn xanh đen bạc, số khung 3909HY258732, số máy JA39E0258787, đã qua sử dụng, trị giá **12.330.000 đồng**.

- ***Vụ thứ hai:*** Khoảng 09 giờ ngày 28/02/2022, Q điều khiển xe môtô biển số 70F1-722.90 chở N đi tìm xe môtô để lấy trộm. Khi đến trước nhà của ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1980, ngụ ấp K, xã C, huyện D, tỉnh T thì nhìn thấy xe môtô biển số 70H1-247.18 của ông Dân đang để tại hành lang, trên xe có cắm sẵn chìa khóa, Q dừng xe đứng ngoài cảnh giới, N lén lút đi vào lấy trộm chiếc xe môtô của ông Dân điều khiển đến khu vực xã P, thị xã T, tỉnh T bán cho người đàn ông tên S (*chưa rõ nhân thân, địa chỉ*) được số tiền 4.200.000 đồng, bị can N trả tiền thuê xe ôm hết 200.000 đồng còn lại 4.000.000 đồng, N và Q chia nhau mỗi người 2.000.000 đồng tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 09, ngày 15/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D, kết luận: 01 xe môtô biển số 70H1-247.18, nhãn hiệu Honda, số loại Wave Alpha, màu trắng-đen-bạc, đã qua sử dụng, trị giá là **13.500.000 đồng**.

- ***Vụ thứ ba:*** Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 06/4/2022, Q điều khiển xe môtô biển số 70F 1-722.90 chở N đi đến khu vực đường đất của nhánh kênh Tây thuộc ấp N, xã B, huyện D, tỉnh T thì phát hiện xe môtô biển số 70E1- 385.90 của ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1977, ngụ ấp N, xã B, huyện D, tỉnh T đang dựng trên đường đất bờ kênh Tây không có người trông giữ, Q dừng xe đứng cảnh giới, N đi đến dùng cây đoãn tự chế chuẩn bị sẵn bẻ ổ khóa lấy trộm xe của anh Niên điều khiển đi về hướng thị xã H, tỉnh T, đi một đoạn thì cả hai dừng lại mở bên trong cốp xe môtô biển số 70E1-385.90 thấy có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy màu đen A12 nên Q lấy cất giữ để sử dụng và đi về nhà. N điều khiển xe môtô của ông Niên đến khu vực xã P, thị xã T, tỉnh T bán cho một người đàn ông tên S (*chưa rõ nhân thân, địa chỉ*) được số tiền 8.200.000 đồng, N trả tiền thuê xe ôm hết 200.000 đồng còn lại 8.000.000 đồng, N và Q chia nhau mỗi người số tiền 4.000.000 đồng tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 09, ngày 15/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D, kết luận: 01 xe môtô biển số 70E1-385.90, nhãn hiệu Yamaha, số loại Jupiter, màu đen có trị giá là **12.830.000 đồng** và 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy Al2, màu đen có trị giá là **1.770.000 đồng**. Tổng giá trị tài sản là **14.600.000 đồng**.

* **Trên địa bàn thành phố T:**

- ***Vụ thứ nhất:*** Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 26/01/2022, Q điều khiển xe môtô biển số 70F1-395.16 chở N đi trên các tuyến đường thuộc thành phố T. Khi đi đến đoạn đường T thuộc khu phố 1, phường 2, thành phố T, tỉnh T thì nhìn thấy xe môtô biển số 70C1-355.97 của anh Trần Phạm Anh V, sinh năm 2003, ngụ ấp L, xã L, huyện B, tỉnh T đang dựng cặp lề đường nên Q dừng xe đứng cảnh giới, N

đi đến dùng đoản bẻ khóa lấy trộm xe của anh Vũ điều khiển bỏ chạy. Do không có phương tiện sử dụng nên khi về đến khu vực ngã tư Ao Hồ thuộc thị xã Hòa Thanh, tỉnh T, Q nói với N là bán lại xe môtô vừa trộm được cho Q với số tiền 1.000.000 đồng thì N đồng ý. Sau đó, Q điều khiển xe môtô trộm được về nhà thay biển số 47G1-181.35 vào xe để sử dụng. Đến khoảng 13 giờ ngày 27/01/2022, chị Nguyễn Thị Thúy Quyên, sinh năm 2006, ngụ ấp TC, xã TH, thị xã H, tỉnh T (*bạn của Q*) mượn xe môtô biển số 47G1-181.35 của Q để đi công việc. Khi đi đến khu vực ngã tư Quốc tế thuộc thành phố T thì bị anh Trần Phạm Anh V nhìn thấy giống chiếc xe bị mất trộm nên trình báo Công an phường 2, thành phố T làm rõ. Khi biết chị Quyên bị Công an mời làm việc, Q bỏ trốn cho đến ngày 04/4/2022 ra đầu thú.

Tại Kết luận định giá tài sản số 22, ngày 06/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 xe môtô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius màu trắng đen, biển số 70C1-355.97, số khung: RLCUE3740MY086913, số máy E32VE310820, đã qua sử dụng trị giá là **17.000.000 đồng.**

- ***Vụ thứ hai*:** Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 17/02/2022, Q điều khiên xe môtô gắn biển số 70F1-395.16 chở N đi trên đường. Khi đi ngang khu vực Tượng đài liệt sĩ thuộc phường N, thành phố T, N nhìn thấy xe môtô biển số 70B1- 667.36 của ông Võ Văn T, sinh năm 1968, ngụ khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh T không người trông coi, trên xe có cắm sẵn chìa khóa, đang dựng cặp lề đường cạnh quán cà phê Tý Lan thuộc khu phố Ninh Trung, phường N, thành phố T, Q dừng xe đứng bên ngoài cảnh giới, N lén lút đi đến mở khóa, nổ máy điều khiển xe của ông Thắng đến cửa khẩu Tho Mo thuộc tỉnh Long An bán cho người đàn ông *(không rõ nhân thân địa chỉ)* với số tiền 5.000.000 đồng, N và Q mỗi người chia nhau số tiền 2.500.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 45, ngày 28/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng-đen-bạc, biển số 70B1-667.36, số máy: JA39E0080238, số khung: 3904FIY080213, đã qua sử dụng có trị giá là **13.000.000 đồng.**

Ngoài ra, bị can Nguyễn Văn N còn một mình thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã H, cụ thể:

- ***Vụ thứ nhất:*** Khoảng đầu tháng 3 năm 2022, N đi bộ một mình đến khu vực gần hẻm số 52, đường Nguyễn Chí Thanh thuộc ấp Long Khương, xã Long Thành Nam, thị xã H, tỉnh T lấy trộm 01 xe môtô loại Wave Blade, màu xanh - đen (không rõ biển số), sau đó N đem xe bán cho một người đàn ông không quen biết ở khu vực giáp ranh biên giới Campuchia (không rõ nhân thân, địa chỉ) với giá 6.000.000 đồng và tiêu xài hết. Hiện chưa xác định được bị hại. (Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thông báo truy tìm bị hại).

- ***Vụ thứ hai:*** Khoảng 12 giờ 30 một ngày cuối tháng 3 năm 2022, N đi bộ một mình đến khu vực gần Đền Thánh nội ô Tòa Thánh T thuộc khu phố 4, phường L, thị xã H, tỉnh T lấy trộm 01 (một) xe môtô loại Dream, màu nâu (không rõ biển số) đem xe bán cho một người đàn ông không quen biết ở khu vực giáp

ranh biên giới Campuchia (không rõ nhân thân, địa chỉ) với giá 800.000 đồng và tiêu xài hết. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thông báo truy tìm bị hại nhưng đến nay vẫn chưa xác định được bị hại trong vụ án.

- ***Vụ thứ ba:*** Khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 20/3/2022, N đi một mình đến khu vực gần cửa số 10 chùa Tòa Thánh, thuộc khu phố Long Mỹ, phường LT, thị xã H, tỉnh T thì thấy xe môtô biển số 59Y3- 730.99, loại xe Blade, màu đỏ-đen của ông Tô Văn N, sinh năm 1983, ngụ ấp T, xã T, huyện C, Thành phố H, dựng cặp lề đường, chìa khoá… không ai trông coi nên đã lén lút lấy trộm xe môtô của ông N đều khiển đến khu vực giáp biên giới Campuchia bán cho một người đàn ông không quen biết ở (không rõ nhân thân, địa chỉ) với giá 7.000.000 đồng, tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 51, ngày 20/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã H, kết luận: 01 xe môtô biển số 59Y3- 730.99, nhãn hiệu Honda, loại Blade, dung tích 109 cm^3, màu đen đỏ, số khung RLHJA3620EY147360, số máy JA36E0270011, đã qua sử dụng có trị giá là **18.000.000 đồng**.

- ***Vụ thứ tư***: Khoảng 01 giờ ngày 21/3/2022, N đi bộ từ khu phố Long Mỹ, phường LT, thị xã H đến khu vực Nội ô Tòa Thánh T thuộc khu phố 4, phường L, thị xã H tìm tài sản để trộm. Khi đến Sở Đồng Nhi Nam, N leo rào đi vòng ra cửa sau thì nhìn thấy cánh cửa sau bị khóa bên trong, khoen cánh cửa đã có vết tì nứt từ trước nên N dùng lực mạnh đẩy cánh cửa làm bung khoen ổ khóa. Sau đó N quay lại cổng rào dùng hai tay nhấc cánh cổng ra khỏi bản lề để mở cổng rào, xong quay vào cửa sau đi vào nhà, nhìn thấy xe môtô 01 xe môtô biển số 70B1-972.26 của anh Nguyễn Khánh L, sinh năm 1998, ngụ ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh T bên trong cốp xe có số tiền 20.000.000 đồng và 01 xe môtô biển số 70C1-362.69 của anh Mai Thanh L, sinh năm 2001, ngụ ấp T, xã T, huyện B, tỉnh T đang dựng trong nhà, có khóa cổ. N dùng thanh đoản mang theo bẻ khóa và đẩy xe môtô biển số 70B1-972.26 của anh L ra phía dựng cách cổng rào khoảng 02 mét, xong N quay vào dùng đoản bẻ khóa xe môtô biển số 70C1- 362.69 của anh L nổ máy điều khiển về phòng trọ Q thuê tại phường Long Thành Trung, thị xã H, tỉnh T cất giấu (Q không biết xe môtô trên do N trộm cắp mà có). Sau đó, N đi xe ôm quay lại lấy xe môtô biển số 70B1-972.26 của anh L điều khiển đến khu vực cửa khẩu Tho Mo bán cho người đàn ông người Campuchia (*không rõ họ tên, địa chỉ)* với số tiền 8.500.000 đồng. N tiếp tục đi xe ôm quay về phòng trọ của Q để lấy xe môtô biển số 70C1- 362.69 của anh L điều khiển đến bán tiếp cho người đàn ông Campuchia với số tiền 8.500.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 16, ngày 28/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã H, kết luận:

- 01 xe môtô biển số 70B1-972.26, nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE FI, màu sơn xanh nâu đen, số khung RLHJC7655MY004821, số máy JC90E0102786, đã qua sử dụng, có trị giá là **33.300.000 đồng**.

- 01 xe môtô biển số 70C1-362.69, nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE FI,

màu sơn xanh nâu đen, số khung RLHJC7651MY044443, số máy JC90E0156716, đã qua sử dụng, có trị giá là **30.600.000 đồng.**

Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là **83.900.000 đồng.**

- Vụ thứ năm: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 28/4/2022, N đi bộ một mình trên đường Nguyễn Lương Bằng hướng từ Uỷ ban nhân dân xã TĐ về Quốc lộ 22B. Khi đến trước nhà số 16, đường N thuộc tổ 39, ấp T, xã TĐ, thị xã H, thấy xe môtô biển số 70F1-576.96 của chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1993, ngụ ấp cấm Bình, xã C, huyện G, tỉnh T dựng trước hiên nhà, có khóa cổ xe, chìa khóa bỏ trong hộc phía trước xe nên N đã lén lút lấy chìa khóa xe cắm vào ổ khóa, mở công tắc, nổ máy điều khiển xe chạy về hướng Quốc lộ 22B thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Tại Kết luận định giá tài sản số 27, ngày 09/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã H, kết luận: 01 xe môtô biển số 70F1 - 576.96, nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, dung tích 108 cm^3, màu sơn đen đỏ, số khung 5812GY551300, số máy JF66E080292, đã qua sử dụng, có trị giá là **22.000.000 đồng**.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 06/01/2022 cho đến ngày 28/4/2022, N và Q đã thực hiện tổng cộng 14 vụ trộm cắp tài sản (có 02 vụ chưa xác định được bị hại nên chưa xác định được giá trị tài sản chiếm đoạt) với tổng số tiền chiếm đoạt là 274.330.000 đồng. Trong đó: N thực hiện 14 vụ với số tiền là 274.330.000 đồng, Q thực hiện 09 vụ với số tiền là 150.430.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện khai nhận những lần phạm tội trước đó. Các bị cáo phạm tội có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội 02 lần trở lên.

+ Tại bản án số 54/2019/HSST ngày 04-9-2019, Toà án nhân dân huyện Hoà Thành (nay là thị xã H), tỉnh T đã xác định Nguyễn Văn N tái phạm chưa được xoá án tích nên lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm.

+ Tại bản án số 86/2020/HS-ST ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T đã xác định Nguyễn Văn Q tái phạm chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

* Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Có bảng thống kê kèm theo.

* Các bị cáo không có tài sản nên không kê biên.

* Về trách nhiệm dân sự:

+ Các bị hại Nguyễn Thị Kim L, Trần Phạm Anh V đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

+ Các bị hại gồm ông Phan Ngọc K, Trần Võ Trường G, Huỳnh Thanh T, Mai Thanh L, Vũ Văn T, Trần Hồ C, Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Khánh L, Nguyễn Đồng H, Tô Văn N yêu cầu bồi thường theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản

trong tố tụng hình sự. Các bị cáo chưa bồi thường. Ngoài ra, bị hại L yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (tiền bỏ trong cốp xe bị mất).

+ Ông Nguyễn Văn N đã nhận lại điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12 nên yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị xe bị mất theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Các bị cáo chưa bồi thường.

Bản Cáo trạng số: 86/CT-VKSHT ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại các điểm a, b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H giữ quyền công tố, trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

* Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm a, b, g, h khoản 1 Điều 52 BLHS, Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức án từ 09 năm đến 10 năm tù.

* Căn cứ điểm a, b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q mức án từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù.

- Các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

* Trách nhiệm dân sự, án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo trình bày lời nói sau cùng: các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã H, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: các bị hại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị hại; là đúng với quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi của bị cáo thể hiện:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định:

Từ ngày 06-01-2022 đến ngày 28-4-2022 trên địa bàn Thị xã H, thành phố T và huyện D, tỉnh T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Q, không có nghề nghiệp ổn định nên đã bàn bạc, thoả thuận phân công vai trò, chuẩn bị sẵn công cụ phương tiện lén lút trộm cắp tài sản của người khác. Cụ thể, N, Q cùng thực hiện 09 vụ trộm cắp tài sản tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 150.430.000 đồng. N một mình thực hiện trộm 05 vụ trộm cắp tài sản chiếm đoạt tài sản của 04 bị hại (có 02 vụ chưa xác định được bị hại), trị giá là 123.900.000 đồng. Như vậy, xác định tổng giá trị tài sản do Nguyễn Văn N chiếm đoạt là 274.330.000 đồng và Nguyễn Văn Q chiếm đoạt là 150.430.000 đồng. Do đó, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Q về Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 và các điểm a, b, c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự xã hội ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo biết được hành vi lén lút để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng với bản chất tham lam, thích có tiền tiêu xài cá nhân nhưng lười lao động, xem thường pháp luật đã dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Do đó, cần có một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Khi quyết định hình phạt có xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng đối với bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ: tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự thú ra những lần phạm tội của mình trước đây. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần nào hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo N, Q đều có một tiền án chưa được xoá, các bị cáo có nhân thân xấu, trong lần phạm tội này bị cáo phạm tội nhiều lần riêng bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội là tái phạm nguy hiểm đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm g, h Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Do đó các bị cáo phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Bị cáo N là đầu vụ, giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt nhiều hơn bị cáo Q, riêng mình bị cáo thực hiện 04 vụ trộm, ngoài ra cùng thực hiện với bị cáo Q 09 vụ trộm, tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt lên tới 274.330.000 đồng. Trong vụ án này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Q.

Do đó, mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[5] Về bồi thường thiệt hại:

Tại phiên toà sơ thẩm các bị hại có mặt đều yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản bị lấy cắp theo giá mà hội đồng định giá đã định. Ngoài ra theo hồ sơ vụ án thể hiện trong cốp xe của bị hại L có số tiền 20.000.000 đồng bị mất khi bị cáo N lấy trộm. Tại phiên toà bị hại L1 cũng xác định số tiền 20.000.000 đồng bị mất là trong cốp xe của bị hại L, không phải trong cốp xe của bị hại L1. Vậy bản cáo trạng nhận định số tiền 20.000.000 đồng trong cốp xe của bị hại L1 là chưa chính xác nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho phù hợp. Bị cáo N cũng đồng ý bồi thường số tiền 20.000.000 đồng trong cốp xe của bị hại L bị mất khi bị cáo lấy trộm xe nên ghi nhận. Do đó cần buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại như sau:

Buộc N và Q liên đới bồi thường cho các bị hại số tiền 135.230.000 đồng, (mỗi bị cáo phải bồi thường là 67.615.000 đồng) gồm:

+ Ông Phan Ngọc K: Số tiền 9.000.000 đồng.

+ Anh Trần Võ Trường G: Số tiền 45.000.000 đồng

+ Ông Huỳnh Thanh T: Số tiền 10.000.000 đồng

+ Ông Vũ Văn T: Số tiền 13.000.000 đồng

+ Ông Trần Hồ C: Số tiền 12.330.000 đồng

+ Ông Nguyễn Hoàng D: Số tiền 13.500.000 đồng

+ Ông Nguyễn Văn N: Số tiền 16.400.000 đồng

+ Ông Nguyễn Đồng H: Số tiền 16.000.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn N phải trực tiếp bồi thường số tiền: 101.900.000 đồng, gồm:

+ Anh Mai Thanh L: Số tiền 30.600.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Khánh L: Số tiền 53.300.000 đồng.

+ Anh Tô Văn N số tiền 18.000.000 đồng.

Ghi nhận các bị hại Trần Phạm Anh V, Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại do đã nhận lại tài sản.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô gắn biển số 70F1-722.90, nhãn hiệu Honda, loại Sonic, màu đỏ-trắng của bị cáo Q và xe mô tô gắn biển số 70F1-395.16, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu trắng và 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 105, màu đen của bị cáo N là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng để phạm tội do đó cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Tịch thu tiêu huỷ các đồ vật không có giá trị sử dụng bao gồm: 01 (một) mũ bảo hiểm hiệu "QUATEST-3", màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) nón kết bằng vải hiệu "adidas" màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 (một) đoạn kim loại hình trụ (ống điếu), tình trạng đã qua sử dụng; 02 đoạn kim loại một đầu lục giác, một đầu dẹp.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Q phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 38; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 28-4-2022.

Áp dụng các điểm a, b, c, g khoản 2 Điều 173; Điều 38; các điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 06 (sáu)năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25-7-2022.

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Trần Võ Trường G số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường 22.500.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Đồng H số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng). Trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng)

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Huỳnh Thanh T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Phan Ngọc K số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng). Trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Trần Hồ C số tiền 12.330.000 đồng (mười hai triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng). Trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường 6.165.000 đồng (Sáu triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Hoàng D số tiền 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường 6.750.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Văn N số tiền 14.600.000 đồng (mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường 7.300.000 đồng (Bảy triệu ba trăm nghìn đồng)

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Võ Văn T số tiền 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng). Trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm ngìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Khánh L số tiền 53.300.000 đồng (năm mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường thiệt hại cho anh Mai Thanh L số tiền 30.600.000 đồng (Ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường thiệt hại cho anh Tô Văn N số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Ghi nhận các bị hại Trần Phạm Anh V, Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vât chứng: áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu sung vào Ngân sách Nước:

- 01 (một) xe mô tô gắn biển số 70F1-722.90, nhãn hiệu Honda, loại xe Sonic, màu đỏ-trắng, số khung: MH1KB1119KK222912, số máy: KB11E1222340 tình trạng đã qua sử dụng, không gương chiếu hậu.

- 01 (một) xe mô tô gắn biển số 70F1-395.16, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu trắng, số khung: RLHHC1218DY780309, số máy HC12E5780384 tình trạng đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu.

3.2. Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) mũ bảo hiểm hiệu "QUATEST-3", màu đen, tình trạng đã qua sử dụng; 01 (một) nón kết bằng vải hiệu "adidas" màu đỏ, tình trạng đã qua sử dụng; 01 (một) đoạn kim loại hình trụ (ống điếu), tình trạng đã qua sử dụng; 02 đoạn kim loại một đầu lục giác, một đầu dẹp

4. Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo N, Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo N phải chịu 8.475.000 đồng, bị cáo Q phải chịu 3.380.000 đồng.

Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho các bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- VKSND thị xã H;
- CCTHADS thị xã H;
- Công an thị xã H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Bị đơn dân sự;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.